

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2024/DS-ST

Ngày: 09-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Đinh Kim Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2023/DSST ngày 19/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 575/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Trụ sở: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thân Lê N, sinh năm 1978; Địa chỉ: B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn “vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1986; “vắng mặt”

Địa chỉ: B B, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/8/2019, bà T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40,000,000 đồng. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức (đồng)	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
JCB	356480 - 939	40,000,000	23/8/2019	2,6%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 83,593,515 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 64,535,845 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng

theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà **T** vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà **T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/8/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 43,606,018 đồng sang quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (lãi suất trong hạn 2.6% x 150%).

Tính đến ngày 09/7/2024, bà **T** còn nợ Ngân hàng với số tiền cụ thể là:

- Dư nợ gốc: 43,606,018 đồng
- Lãi quá hạn: 38,944,656 đồng
- Tổng cộng: 82,550,674 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà **T**, yêu cầu bà **T** có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà **T** trả nợ, tuy nhiên bà **T** vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nguyên đơn yêu cầu:

1. Buộc bà **Nguyễn Hồng T** phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 09/7/2024 là 82,550,674 đồng (*Ti* *mười hai triệu, năm trăm năm mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng*)) trong đó: Nợ gốc: 43,606,018 đồng và Lãi quá hạn: 38,944,656 đồng.

2. Bà **Nguyễn Hồng T** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà **Nguyễn Hồng T** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai hoặc yêu cầu của bà **T** trong hồ sơ vụ án. Cụ thể Tòa án đã tổng đạt các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 4 đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà **T** vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu quan điểm: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, căn cứ thỏa thuận của hợp đồng tín dụng hai bên ký kết phù hợp quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** có đơn khởi kiện bà **Nguyễn Hồng T** để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **T** phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ

còn thiếu. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bà Nguyễn Hồng T có nơi cư trú tại Quận D. Do đó, căn cứ các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Hồng T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Cụ thể Tòa án đã tổng đạt các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà T mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Về nội dung: Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bà T, bà T đã sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng 40,000,000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 83,593,515 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 64,535,845 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/8/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 43,606,018 đồng sang quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (lãi suất trong hạn 2.6% x 150%).

Tính đến ngày 09/7/2024, tổng số tiền nợ bà T còn nợ phải thanh toán là 82,550,674 đồng (*TI mươi hai triệu, năm trăm năm mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng*) trong đó: Nợ gốc: 43,606,018 đồng và Lãi quá hạn: 38,944,656 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi bà T thanh toán hết nợ.

Căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Hồng T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 09/7/2024, tổng số tiền nợ bà T còn nợ phải thanh toán là 82,550,674 đồng (*TI mươi hai triệu, năm trăm năm mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng*) trong đó: Nợ gốc: 43,606,018 đồng và L quá hạn: 38,944,656 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 10/7/2024, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền còn nợ tại thời điểm thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Hồng T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4,127,534 đồng; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 1,656,000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0042698 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 207, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà **Nguyễn Hồng T** phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 09/7/2024 là 82,550,674 đồng (*TI mươi hai triệu, năm trăm năm mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng*) trong đó: Nợ gốc là 43,606,018 đồng và nợ lãi quá hạn là 38,944,656 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 10/7/2024, bà **T** còn phải chịu tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền còn nợ tại thời điểm thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký với nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết nợ.

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Nguyễn Hồng T** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4,127,534 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1,656,000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0042698 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.4;
- Chi cục THADS Q.4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình